

Bản án số: 25/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28-3-2023

“Tranh chấp về hôn nhân và gia
đình - Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Duy Oanh;

2. Ông Đặng Văn Hai;

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Châu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 28 tháng 3 năm 2023 tại phòng xử án của trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 227/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2022, về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 120/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thu Th, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số 27E, ấp Long H, xã Hòa L, huyện Lai V, Đồng Tháp.

Địa chỉ liên hệ: Số 348, Khóm 4, thị trấn Lai V, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh Châu Sơn V, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số 27E, ấp Long H, xã Hòa L, huyện Lai V, Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn Th1 – Chức vụ: Tổng Giám Đốc. Người đại diện theo ủy quyền của ông Thành: Ông Nguyễn Văn M - Chức vụ Giám đốc chi nhánh huyện Lai V (Quyết định ủy quyền số: 2965/QĐ-NHN₀-PC, ngày 27/12/2019).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Mé: Ông Thái Ngọc Như B, sinh năm 1975. Giấy ủy quyền số 294/GUQ-NHN_o-LVg-TD ngày 21/12/2022.

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn Lai V, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị Th và anh B có mặt; anh V vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Thu Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Qua thời gian tìm hiểu nhau, chị Th và anh V được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Long, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 09/3/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với gia đình anh V. Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc. Sau đó, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh V chơi cờ bạc nên nợ nần rất nhiều và chị Th phải vay tiền Ngân hàng N để đưa cho anh V trả nợ. Chị Th nhiều lần khuyên ngăn anh V bỏ chơi cờ bạc nhưng anh V vẫn không từ bỏ cờ bạc dẫn đến vợ chồng nhiều lần cãi nhau nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Đến tháng 02/2022, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn gay gắt chị Th đã dẫn con thuê nhà trọ sống riêng và vợ chồng không sống chung đến nay. Chị Th nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và không quan tâm lẫn nhau nên chị Th yêu cầu được ly hôn với anh Châu Sơn V. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Châu Ngọc Cát T, sinh ngày 14/10/2018, hiện con chung đang sống chung với chị Th. Khi ly hôn, chị Th yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh Châu Sơn V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

Về nợ chung: Ngày 06/7/2021, chị Trần Thị Thu Th ký hợp đồng tín dụng số 6510LA202103766 với Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp vay số tiền 80.000.000 đồng, mục đích vay để sử dụng sửa chữa nhà ở, mua sắm vật dụng sinh hoạt, trang trí nội thất và anh V đã dùng để trả nợ của anh V. Thời gian đầu sau khi vay tiền Ngân hàng, anh V chuyển khoản vào tài khoản của chị Th để trả nợ vay mỗi tháng 2.000.000 đồng cho Ngân hàng. Chị Th vay tín chấp của Giáo viên nên hàng tháng Ngân hàng tự trừ tiền nợ vay từ tài khoản nhận tiền lương hàng tháng của chị Th. Tuy nhiên từ tháng 6/2022 thì anh V không chuyển tiền cho chị Th trả nợ Ngân hàng nữa nên khi ly hôn, chị Th sẽ trả tiếp tục số tiền nợ vay cho Ngân hàng N. Vì đây là nợ chung của vợ chồng nên chị Th yêu cầu anh Châu Sơn V phải trả lại cho chị Th $\frac{1}{2}$ số tiền nợ vay 63.800.000 đồng (tính theo dư nợ đến tháng 8/2022) là 31.900.000 đồng (*ba mươi một triệu, chín*

trăm nghìn đồng).

- *Tại Tò trình ngày 21/11/2022, bị đơn là anh Châu Sơn V trình bày:*

Về hôn nhân: Anh V và chị Th tự quen biết nhau và sống như vợ chồng từ năm 2015 và sau đó đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa L, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung tại nhà cha mẹ ruột của anh V ở ấp Long H, xã Hòa L, huyện Lai V. Đến tháng 5/2022, vợ chồng bất hòa nghiêm trọng nên chị Th cùng con ra thuê nhà trọ sống riêng và vợ chồng không sống chung cho đến nay. Anh V đồng ý ly hôn với chị Th.

Về con chung: Anh V đồng ý giao con chung tên Châu Ngọc Cát T, sinh ngày 14/10/2018 cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng, hiện con chung đang sống chung với chị Th. Anh Châu Sơn V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là xe gắn máy nhãn hiệu Vison do Trần Thị Thu Th đứng tên giấy đăng ký xe, trị giá 37.000.000 đồng, mua bằng tiền mượn của ông Châu Văn Th2. Anh V yêu cầu chị Th trả lại cho ông Thuần ½ giá trị xe là 18.500.000 đồng, anh V đồng ý giao xe cho chị Th quản lý, sử dụng.

Về nợ chung: Vợ chồng còn nợ Ngân hàng N số tiền 63.800.000 đồng. Anh V đề nghị chị Th giải trình rõ số tiền còn nợ Ngân hàng N đến hôm nay là bao nhiêu, anh V đồng ý trả ½ số nợ hiện đang còn thiếu.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Thái Ngọc Như B là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) trình bày:*

Ngày 06/7/2021, chị Trần Thị Thu Th có ký hợp đồng tín dụng số 6510LA202103766 với Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) – Chi nhánh huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp vay số tiền 80.000.000 đồng; mục đích vay sử dụng sửa chữa nhà ở, mua sắm vật dụng sinh hoạt, trang trí nội thất; thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày ký; lãi suất cho vay là 11,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; phương thức trả nợ là trả gốc và lãi định kỳ vào ngày 10 hàng tháng. Từ thời điểm giải ngân cho đến nay, chị Th đều trả tiền gốc và tiền lãi hàng tháng theo thỏa thuận và không vi phạm. Dư nợ tính đến ngày 27/3/2023 là 53.000.000 đồng nhưng Ngân hàng không yêu cầu anh V trả nợ, vì chị Th là người trực tiếp ký kết hợp đồng với Ngân hàng, Ngân hàng không yêu cầu giải quyết đối với hợp đồng tín dụng trong vụ án này và chị Th có trách nhiệm thực hiện tiếp các thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký, nếu sau này chị Th vi phạm các thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Trần Thị Thu Th yêu cầu được ly hôn và tranh chấp nuôi con với anh Châu Sơn V, do đó xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn, nuôi con” theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bị đơn anh Châu Sơn V có địa chỉ cư trú tại huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian quen nhau, chị Th và anh Châu Sơn V được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa L, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 09/3/2015 theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

[2.2] Xét yêu cầu được ly hôn của chị Trần Thị Thu Th, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Th và anh V trong thời gian chung sống có phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị Th trình bày là do anh V chơi cờ bạc nên nợ nần rất nhiều và chị Th phải vay tiền Ngân hàng N để đưa cho anh V trả nợ. Chị Th nhiều lần khuyên ngăn anh V bỏ chơi cờ bạc nhưng anh V vẫn không từ bỏ cờ bạc dẫn đến vợ chồng nhiều lần cãi nhau nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt.

Tại Tờ trình ngày 21/11/2022, bị đơn là anh Châu Sơn V thừa nhận trong thời gian sống chung vợ chồng xảy ra bất hòa nghiêm trọng nên chị Th cùng con ra thuê nhà trọ sống riêng và vợ chồng không sống chung từ tháng 5/2022 cho đến nay. Anh V đồng ý ly hôn với chị Trần Thị Thu Th.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị Th và anh V đã trầm trọng, không hàn gắn tình cảm vợ chồng lại được nên hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Thu Th.

[2.3] Xét về con chung: Chị Th và anh V có 01 con chung tên Châu Ngọc Cát T, sinh ngày 14/10/2018, hiện con chung đang sống chung với chị Th. Khi ly hôn, chị Th yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên giao con chung cho ai nuôi dưỡng cũng phải đảm bảo con chung được ổn định cuộc sống, nuôi dạy và phát triển trong điều kiện tốt nhất. Khoảng thời gian chị Th và anh V không sống chung, cháu Tường đã có cuộc sống ổn định với chị Th và cháu được chăm sóc tốt, phát triển về mọi

mặt. Tại Tờ trình ngày 21/11/2022, anh V cũng đồng ý giao con chung tên Châu Ngọc Cát T cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng. Vì vậy, giao con chung cho chị Th tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng để cháu có cuộc sống ổn định và phát triển tốt nhất về tâm sinh lý, thể chất, sinh hoạt của cháu là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.4] Xét về cấp dưỡng nuôi con: Chị Th yêu cầu anh Châu Sơn V cấp dưỡng nuôi con chung Châu Ngọc Cát T, sinh ngày 14/10/2018, mức cấp dưỡng nuôi con hàng tháng bằng $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tại tờ tường trình ngày 21/11/2022, anh V đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết. Do chị Th được quyền trực tiếp nuôi con chung nên anh V phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, mức cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng bằng $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở do Nhà nước quy định, thời gian cấp dưỡng từ ngày tuyên án (ngày 28/3/2023) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 82, Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[2.5] Về tài sản chung: Chị Trần Thị Thu Th xác định không có. Tại tờ tường trình ngày 21/11/2022 anh V trình bày: Vợ chồng có tài sản chung là xe gắn máy nhãn hiệu Vison do Trần Thị Thu Th đứng tên giấy đăng ký xe, trị giá 37.000.000 đồng, mua bằng tiền mượn của ông Châu Văn Thuận. Anh V yêu cầu chị Th trả lại cho ông Thuận $\frac{1}{2}$ giá trị xe là 18.500.000 đồng, anh V đồng ý giao xe cho chị Th quản lý, sử dụng. Hội đồng xét xử xét thấy, ngày 03/01/2023 Tòa án đã thông báo về việc yêu cầu cung cấp đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung theo trình bày nêu trên của anh V nhưng đã hết thời hạn thông báo mà anh V vẫn không cung cấp theo yêu cầu của Tòa án. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.6] Về nợ chung: Theo lời trình bày của chị Trần Thị Thu Th là trong thời gian vợ chồng còn sống chung thì chị Th có ký hợp đồng tín dụng số 6510LA202103766 với Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp vay số tiền 80.000.000 đồng để sử dụng sửa chữa nhà ở, mua sắm vật dụng sinh hoạt, trang trí nội thất và anh V đã dùng trả nợ của anh V. Khi ly hôn, chị Th sẽ trả tiếp tục số tiền vay còn nợ cho Ngân hàng N. Vì đây là nợ chung của vợ chồng nên chị Th yêu cầu anh Châu Sơn V phải trả lại cho chị Th $\frac{1}{2}$ số tiền nợ vay 63.800.000 đồng (tính theo dư nợ đến tháng 8/2022) là 31.900.000 đồng (*ba mươi mốt triệu, chín trăm nghìn đồng*).

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn

anh Châu Sơn V nhưng anh V vẫn vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên tại Tò trình ngày 21/11/2022, anh Châu Sơn V trình bày về nợ chung: Vợ chồng còn nợ Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Lai V số tiền 63.800.000 đồng. Anh V đề nghị chị Th giải trình rõ số tiền còn nợ Ngân hàng N đến hôm nay là bao nhiêu, anh V đồng ý trả $\frac{1}{2}$ số nợ hiện đang còn thiếu.

Tại phiên hòa giải ngày 22/12/2022 và tại phiên tòa anh Thái Ngọc Như B là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N trình bày:

Ngày 06/7/2021, chị Trần Thị Thu Th có ký hợp đồng tín dụng số 6510LA202103766 với Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp vay số tiền 80.000.000 đồng. Từ thời điểm giải ngân cho đến nay, chị Th đều trả tiền gốc và tiền lãi hàng tháng theo thỏa thuận, không vi phạm và Ngân hàng không yêu cầu anh V trả nợ. Vì chị Th là người trực tiếp ký kết hợp đồng với Ngân hàng, khi chị Th và anh V ly hôn thì Ngân hàng không yêu cầu giải quyết đối với hợp đồng tín dụng trong vụ án này và chị Th có trách nhiệm thực hiện tiếp các thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký, nếu sau này chị Th vi phạm các thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong thời kỳ hôn nhân chị Th có vay của Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp số tiền 80.000.000 đồng. Mặc dù anh V không ký tên vào hợp đồng nhưng mục đích vay nhằm mục đích sử dụng sửa chữa nhà ở, mua sắm vật dụng sinh hoạt, trang trí nội thất và tại tường trình ngày 21/11/2022 anh V cũng thừa nhận vợ chồng có vay khoản nợ trên và anh V đồng ý trả $\frac{1}{2}$ số nợ theo dư nợ tính đến tháng 8/2022 là 63.800.000 đồng. Tuy nhiên Ngân hàng không có yêu cầu độc lập đối với chị Th và anh V. Vì chị Th là người trực tiếp ký kết hợp đồng với Ngân hàng, chị Th luôn thực hiện đúng thỏa thuận không vi phạm hợp đồng, thời hạn kết thúc hợp đồng là ngày 06/7/2026 và sau khi ly hôn chị Trần Thị Thu Th có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký. Nhằm đảm bảo quyền, lợi ích của các bên và nghĩa vụ trả nợ của chị Th đối với số tiền vốn vay và tiền lãi của Ngân hàng buộc anh V phải có trách nhiệm trả lại cho chị Th $\frac{1}{2}$ số tiền nợ tính tại thời điểm anh V không cùng chị Th tiếp tục trả nợ vào ngày 10/8/2022 là 63.800.000 đồng. Như vậy anh V phải có trách nhiệm trả lại cho chị Trần Thị Thu Th số tiền 31.900.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị Thu Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, bị đơn anh Châu Sơn V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 37, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Thu Th được ly hôn với anh Châu Sơn V.
2. Về con chung: Giao con chung tên Châu Ngọc Cát T, sinh ngày 14/10/2018 cho chị Trần Thị Thu Th tiếp tục nuôi dưỡng, hiện con chung đang sống chung với chị Th.

Chị Trần Thị Thu Th cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Châu Sơn V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Châu Sơn V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Châu Ngọc Cát T, sinh ngày 14/10/2018. Mức cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng bằng $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở do Nhà nước quy định, thời gian cấp dưỡng từ ngày tuyên án (ngày 28/3/2023) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

4. Về tài sản chung: Chị Trần Thị Thu Th xác định không có và anh Châu Sơn V không nộp đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về nợ chung: Buộc anh Châu Sơn V có nghĩa vụ trả lại cho chị Trần Thị Thu Th số tiền 31.900.000 đồng (*Ba một triệu, chín trăm nghìn đồng*).

6. Về án phí và tạm ứng án phí:

Chị Trần Thị Thu Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010601 ngày 12/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. (chị Th đã nộp xong án phí).

Anh Châu Sơn V phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) (chưa nộp).

7. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/3/2023). Đối với bị đơn không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày, tính từ ngày bản án này được giao cho họ hoặc được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- UBND xã Hòa L (số 011/2015);
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phụng